

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KIỂM TOÁN

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHDL, ngày tháng 6 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực)*

Phần 1: Thông tin về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo:

Tên tiếng Việt: Kiểm toán

Tên tiếng Anh: Auditing

Mã ngành đào tạo: 7340302

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 226/QĐ-KĐCL ngày 30/6/2018 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Thời điểm thiết kế/điều chỉnh bản mô tả: Năm học 2020 - 2021

Phần 2: Mục tiêu chương trình, chuẩn đầu ra, học tập và đánh giá, cấu trúc chương trình đào tạo, mô tả học phần

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành kiểm toán đảm bảo có năng lực về: Kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và dịch vụ đảm bảo, phân tích hoạt động tài chính trong doanh nghiệp và quản trị trong tổ chức; kỹ năng sử dụng công cụ quản lý trong tổ chức và khả năng xác định, giải quyết vấn đề quản trị lĩnh vực tài chính, kiểm soát trong một tổ chức; có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Có kiến thức chuyên môn và năng lực thực hiện công việc kiểm toán và thực hiện dịch vụ đảm bảo trong một tổ chức, phân tích hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.

Có kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, kiểm soát doanh nghiệp để vận dụng trong thực tế và đưa ra những tư vấn cho nhà quản trị doanh nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng

Có kỹ năng nghề nghiệp kiểm toán, vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành kế toán – kiểm toán trong những loại hình doanh nghiệp khác nhau;

Có kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp dữ liệu để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo;

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề nảy sinh trong thực hiện kiểm toán và dịch vụ đảm bảo trong tổ chức.

Có khả năng làm việc độc lập, chịu được áp lực trong công việc.

Sử dụng thành thạo tin học văn phòng.

Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (B1 Châu Âu).

1.2.3. Thái độ

Có ý thức, sáng kiến trong quá trình thực hiện công việc kiểm toán và dịch vụ đảm bảo.

Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; nhận thức được giá trị về đạo đức nghề nghiệp, văn hoá doanh nghiệp trong công việc.

Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có tinh thần học hỏi, cầu tiến.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhiệm các vị trí công tác sau:

- Nhóm 1: Trợ lý kiểm toán, kiểm toán viên (khi đã có kinh nghiệm làm việc) trong các công ty kiểm toán độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ, cơ quan kiểm toán nhà nước.

- Nhóm 2: Kế toán viên tại các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các loại hình công ty khác, ban quản lý dự án,...Kế toán tổng hợp, kế toán trưởng (khi đã có kinh nghiệm) ở các doanh nghiệp và các tổ chức khác.

- Nhóm 3: Nhân viên phân tích tài chính trong các doanh nghiệp và các tổ chức khác.

- Nhóm 4: Nhân viên kế toán quản trị trong các doanh nghiệp và các tổ chức khác.

- Nhóm 5: Nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán, kiểm soát ở các viện nghiên cứu, các trung tâm, các cơ quan nghiên cứu của các bộ, ngành, các trường đại học và cao đẳng. Giáo viên giảng dạy các môn học kế toán, kiểm toán tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

Sinh viên ngành kiểm toán có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong các doanh nghiệp và tổ chức khác.

2. Chuẩn đầu ra

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
Kiến thức	1	Áp dụng được các kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng và công cụ tiên tiến trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán;
	2	Áp dụng được các kiến thức khoa học xã hội để lĩnh hội chuyên môn, giải quyết các tình huống trong quản lý công việc;
	3	Áp dụng kiến thức công nghệ thông tin trong lĩnh vực kiểm toán
	4	Áp dụng kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong thực hiện công tác kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập và dịch vụ đảm bảo cho khách hàng
	5	Áp dụng các kiến thức cơ bản trong quản lý, điều hành trong hoạt động kiểm toán và dịch vụ đảm bảo
	6	Áp dụng được kiến thức căn bản về kiểm toán và vận dụng quá trình kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán hoạt động đơn vị
	7	Áp dụng được kiến thức về kiểm soát nội bộ trong đơn vị và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và môi trường kinh doanh trong đơn vị.
	8	Áp dụng các chuẩn mực kế toán – kiểm toán, các quy định về đạo đức nghề nghiệp trong giải quyết các tình huống kiểm toán (trong đơn vị, đơn vị khác) và dịch vụ đảm bảo cho đơn vị khách hàng
Kỹ năng	9	Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kiểm toán;
	10	Có kỹ năng dẫn dắt, hướng dẫn người khác thực hiện của công việc do mình quản lý, tư vấn thuộc ngành kế toán – kiểm toán
	11	Có kỹ năng phản biện, phê phán và đưa ra các biện pháp xử lý khác nhau trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán
	12	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
		của các thành viên trong nhóm
	13	Có khả năng viết, thuyết trình, sử dụng các công cụ biểu đồ, hình ảnh cho việc trao đổi thông tin, kiến thức ngành kiểm toán; có khả năng tìm kiếm và sử dụng các tài liệu chuyên môn, các chuẩn mực ngành nghề và các quy định pháp lý khác phục vụ cho công việc;
	14	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
	15	Hiểu và phân tích báo cáo tài chính trong đơn vị để hiểu được tình hình tài chính và kinh doanh trong đơn vị
	16	Phân tích và đánh giá công việc thực hiện kiểm toán; phân tích và tư vấn cho khách hàng sử dụng dịch vụ đảm bảo
	17	Thực hiện các phần hành kiểm toán (trong kiểm toán báo cáo tài chính); ghi chép và phản ánh trong hồ sơ kiểm toán và thực hiện báo cáo kiểm toán;
Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	18	Hình thành khả năng làm việc độc lập hoặc làm theo nhóm; biết tự chịu trách nhiệm với kết quả làm việc của cá nhân và với nhóm.
	19	Có trách nhiệm trong hướng dẫn cũng như giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ đặt ra.
	20	Hiểu được những ảnh hưởng, tác động công việc thực hiện tới xã hội và các bên liên quan; Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao, tôn trọng niềm tin các bên liên quan
	21	Hình thành ý thức về đảm bảo chất lượng theo chính sách quản lý chất lượng công việc, quản lý các nguồn lực và liên tục cải tiến trong công tác; Có ý thức không ngừng học hỏi và trau dồi nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng để phát triển sự nghiệp

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 Tín chỉ

(Không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

4. Đối tượng tuyển sinh:

- Đã tốt nghiệp THPT (giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên), hoặc đã tốt nghiệp trung cấp;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển và thi tuyển

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp và điểm đánh giá học phần, tốt nghiệp:

Tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo.

6. Cách thức đánh giá: Chấm điểm theo thang điểm 10 và quy đổi theo thang điểm chữ theo quy định tại Quy chế đào tạo hiện hành.

7. Ma trận chuẩn đầu ra và môn học: 5 cấp bậc đánh giá: 1. Hiểu; 2. Ứng dụng; 3. Phân tích; 4. Tổng hợp; 5. Đánh giá

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	BT/TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	K N 7	K N 8	K N 9	TC 1	T C2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																										
1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45			2																		2	
2	003925	Kinh tế chính trị Mác Lê nin	2	30			3																		2	
3	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			2																		2	
4	003928	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2	30			1																		2	
5	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			2																		2	
6	003137	Tiếng Anh 1	4	60													1									
7	003144	Tiếng Anh 2	3	45													2									
8	000801	Giáo dục thể chất	4	60																						
9	000785	Giáo dục quốc phòng	11	165																						
10	003360	Toán cao cấp 1	2	30			1																			
11	003366	Toán cao cấp2	2	30			2																			
12	003657	Xác suất thống kê	2	30			2																			
13	001893	Nhập môn tin học	3	45				2									2									
14	002018	Pháp luật đại cương	2	30			2																		2	
15	002244	Quản trị học	3	45			3		3						3	2								3	3	
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																										
CƠ SỞ NGÀNH																										
1	001216	Kinh tế vi mô	3	45		3	3		3	3				2												
2	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30						1				1									2		2	
3	002354	Tài chính-tiền tệ	2	30		2	2				3		3					2	2							
4	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45				4	4					3			3		3			3				
5	001506	Luật kinh tế	2	30					2															4	2	
6	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45		3										1							1	1		
7	002208	Quản lý tài chính	3	45						1				2		2									3	
8	001838	Nguyên lý kế toán	3	45							2	3			5										1	
NGÀNH																										
NGÀNH BẮT BUỘC																										
1	001023	Kế toán doanh nghiệp	3	45						3					3										4	
2	001054	Kế toán quốc tế	3	45			2						2	1					2							

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	BT/TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	K N 7	K N 8	K N 9	TC 1	T C2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
3	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30		2	2		2							4										
4	001137	Kiểm toán căn bản	3	45					1							2									3	
5	000953	Hệ thống thông tin kế toán	2	30				2		2		3										3	5			
6	003216	Tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán	3	45															1				4			3
7	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45				1	2	2	3					2				3						
8	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	3	45						2				3		4		2					2			
9	002059	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30			3										2									3
10	003783	Kinh tế lượng	3	45		2																				
11	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30		2		3										4					2			
12	001130	Kiểm soát quản lý	2	30		1			2	2				2		3							3			
13	002176	Quản lý nhân lực	3	45			3																			
14	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45						1	3	2								3	3	3				
15	002678	Thực hành kế toán doanh nghiệp	2		30			3				2					3			4			5			
NGÀNH TỰ CHỌN																										
1	000384	Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán (*)	2	30			1			2			3			3									1	3
2	000837	Hành vi tổ chức (*)	2	30			3								3		2					3		3		
3	001958	Phân tích báo cáo tài chính (*)	2	30																						
4	003105	Thương mại điện tử (0*)	2	30		2	2	3														2			2	2
5	002347	Tài chính quốc tế (0*)	2	30		3				3		3	3													
6	001981	Phân tích thâm định dự án (0*)	2	30																						
7	001006	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt (0*)	2	30					1					2												2
8	003215	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán nâng cao (0*)	2	30															1				2			
CHUYÊN NGÀNH																										
CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC																										
1	004301	Kiểm toán hoạt động	3	45					1	1	1			2		3									2	
2	001157	Kiểm toán tài chính 1	3	45							2		3								3	2			1	

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	BT/TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	K N 7	K N 8	K N 9	TC 1	T C2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
3	001158	Kiểm toán tài chính 2	3	45							2		3								3	2			1	
4	004303	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	4		60			2						2	2						2	2	2			
CHUYÊN NGÀNH																										
CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN																										
1	000181	Chuyên đề (kế toán, kiểm toán) (*)	2	30									3					3							3	
2	001150	Kiểm toán nội bộ (*)	2	30					2	1		1	2			2					2					2
3	001038	Kế toán ngân hàng (*)	2	30							1					2				2						2
4	001129	Kiểm soát nội bộ (0*)	2	30					1	3		3									3					1
5	002016	Quản lý chiến lược (0*)	2	30			3		3								3			3					3	3
6	002268	Quản trị rủi ro (*0)	2	30		2				2			3	3							5	2		5		
7	003029	Thực tập tốt nghiệp	4	60										1				2				4				4
8	003798	Khoá luận tốt nghiệp	10	150										1				2				4	5			4

** Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình*

8. Cấu tạo chương trình:

Khối kiến thức		Tín chỉ		Tỷ lệ %
		Bắt buộc	Tự chọn	
Giáo dục đại cương	Khoa học Mác Lênin	11		8
	Toán - Tin - Khoa học tự nhiên	9		7
	Khối kiến thức Khoa học Xã hội và nhân văn	5		4
	Ngoại ngữ	7		5
	Giáo dục thể chất	Chứng chỉ		
	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Chứng chỉ		
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	21		16
	Ngành	40	6	35
	Chuyên ngành	12	6	15
	Thực tập tốt nghiệp	4		3
	Khóa luận tốt nghiệp	10		8
Tổng		119	12	100%
		131		

9. Kế hoạch đào tạo theo từng kỳ:

TT	HK	Mã học phần	Tên học phần	TC	LT	TH	Khối kiến thức
1	1	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0	CSN
2	1	001893	Nhập môn tin học	3	39	12	GDĐC
3	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0	GDĐC
4	1	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0	GDĐC
5	1	003360	Toán cao cấp 1	2	30	0	GDĐC
6	1	003923	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0	GDĐC
7	2	003870	Giáo dục quốc phòng	11	165	0	CC
8	2	000801	Giáo dục thể chất	4	60	20	CC
9	2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	0	GDĐC
10	3	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30	0	CSN
11	2	003144	Tiếng Anh 2	3	45	0	GDĐC
12	1	003366	Toán cao cấp 2	2	30	0	GDĐC
13	2	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	GDĐC
14	3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	GDĐC
15	3	003783	Kinh tế lượng	3	45	0	Ngành
16	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	CSN
17	3	002244	Quản trị học	3	45	0	CSN
18	3	002354	Tài chính-tiền tệ	2	30	0	CSN
19	5	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30	0	Ngành
20	4	001023	Kế toán doanh nghiệp	3	45	0	CN
21	4	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45	0	CSN
22	4	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45	0	CSN
23	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	Ngành
24	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	GDĐC
25	5	000953	Hệ thống thông tin kế toán	2	30	0	Ngành

TT	HK	Mã học phần	Tên học phần	TC	LT	TH	Khối kiến thức
26	5	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	Ngành
27	5	001137	Kiểm toán căn bản	3	45	0	Ngành
28	5	003928	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	GDDC
29	3	001506	Luật kinh tế	2	30	0	GDDC
30	5	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45	0	CN
31	4	003216	Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán	3	45	0	Ngành
32	5	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	3	45	0	CN
33	6	000181	Chuyên đề Kế toán – Kiểm toán	2	30	0	CN
34	5	001130	Kiểm soát quản lý	2	30	0	Ngành
35	6	004301	Kiểm toán hoạt động	3	30	0	CN
36	6	001157	Kiểm toán Tài chính 1	3	45	0	CN
37	6	001958	Phân tích báo cáo tài chính	2	30	0	Ngành
38	6	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	0	Ngành
39	6	002176	Quản lý nhân lực	3	45	0	Ngành
40	6	2678	Thực hành kế toán doanh nghiệp	2	0	30	Ngành
41	7	000384	Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán (*)	2	30	0	Ngành
42	4	000837	Hành vi tổ chức	2	30	0	Ngành
43	7	001038	Kế toán ngân hàng*	2	30	0	CN
44	7	001054	Kế toán quốc tế	3	45	0	Ngành
45	7	001150	Kiểm toán nội bộ*	2	30	0	CN
46	7	001158	Kiểm toán Tài chính 2	3	45	0	CN
47	7	002059	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	Ngành
48	7	004303	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	4	0	12 0	CN
49		003105	Thương mại điện tử (0*)	2	30		Ngành
50		002347	Tài chính quốc tế (0*)	2	30		Ngành
51		001981	Phân tích thẩm định dự án (0*)	2	30		Ngành
52		001006	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt (0*)	2	30		Ngành
53		003215	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán nâng cao (0*)	2	30		Ngành
54		001129	Kiểm soát nội bộ (0*)	2	30		CN
55		002106	Quản lý chiến lược	2	30		CN
56		002268	Quản trị rủi ro	2	30		CN
57	8	003029	Thực tập tốt nghiệp	4	0	12 0	CN
58	8	003798	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	10	0	0	ĐA/KLTN

12. Mô tả các học phần

12.1. Triết học Mác Lênin

Mã môn học: 003923

TC: 3 TC

Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng của Triết học Mác - Lênin: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, giúp sinh viên có tư duy logic, phương pháp luận khoa học và cách mạng

vận dụng một cách chủ động, sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Gồm phần thứ nhất có chương mở đầu và 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin. Từng bước xác lập thế giới quan.

12.2. Kinh tế chính trị Mác Lênin Mã môn học: 003925

TC: 2 TC

Trang bị cho sinh viên những tri thức cốt lõi, cơ bản của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hình thành ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin.

12.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học: 003505

TC: 2 TC

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc lĩnh vực Khoa học chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về chính trị - xã hội, văn hóa thời đại Hồ Chí Minh sống và thực hành đạo đức cách mạng. Từ đó, vận dụng vào xây dựng xã hội mới, con người mới văn minh, tiến bộ

12.4. Lịch sử Đảng CS Việt Nam Mã môn học: 000765

TC: 3TC

Thông qua các sự kiện và sự đúc kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao tư tưởng, lòng tự hào, niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng trong lịch sử và hiện tại.

12.5. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã môn học: 003926

TC: 2TC

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

12.6. Tiếng Anh 1

Mã môn học: 003137

TC: 4TC

Học phần tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về cách phát âm, ngữ pháp, từ vựng có liên quan đến các chủ đề sức khỏe, giao thông và môi trường, v.v. Ngoài ra người học còn được thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong những tình huống đơn giản thuộc các chủ đề trên và làm bài tập trực tuyến. Kết thúc học phần, người học có đủ kiến thức và kỹ năng để tiếp tục học học phần tiếng Anh 2.

12.7. Tiếng Anh 2

Mã môn học: 003144

TC: 3TC

Học phần tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho tiếng Anh không chuyên bậc đại học. Học phần tiếp tục củng cố các kiến thức cũng như các kỹ năng đã học trong học phần tiếng Anh 1 và cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về cách phát âm, ngữ pháp, từ vựng có liên quan đến các chủ đề cuộc sống, công việc, công nghệ, ngôn ngữ và học ngôn ngữ v.v... Ngoài ra người học còn được thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong những tình huống đơn giản thuộc các chủ đề trên và làm bài tập trực tuyến. Kết thúc học phần, người học có đủ kiến thức và kỹ năng để tiếp tục học học phần tiếng Anh chuyên ngành và các học phần nâng cao.

12.8. Giáo dục thể chất

Mã môn học: 000801

TC: 4TC

Thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHDL ngày 04/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về Chương trình môn học giáo dục thể chất dùng cho hệ đại học.

12.9. Giáo dục quốc phòng **Mã môn học: 000785** **TC: 11TC**

Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

12.10. Toán cao cấp 1 **Mã môn học: 003360** **TC: 2TC**

Học phần giới thiệu cơ bản về đại số tuyến tính như: Không gian véc tơ, ma trận, hệ phương trình tuyến tính, định thức,... Môn học không đi sâu vào việc chứng minh các định lý mà chú trọng vào việc ứng dụng của ma trận và làm cơ sở cho các môn học khác.

12.11. Toán cao cấp 2 **Mã môn học: 003366** **TC: 2TC**

Học phần bao gồm: Giới hạn hàm số, phép tính vi phân, tích phân hàm một biến, các phương pháp tính tích phân xác định, tích phân suy rộng hàm một biến số.

12.12. Xác suất thống kê **Mã môn học: 003657** **TC: 2TC**

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất: Các khái niệm và các định lý về xác suất và biến ngẫu nhiên một chiều. Phần lý thuyết về thống kê toán học gồm lý thuyết mẫu, ước lượng, kiểm định giả thiết thống kê.

12.13. Nhập môn tin học **Mã môn học: 001893** **TC: 3TC**

Học phần nhập môn tin học gồm có 2 phần chính: Phần tin học cơ bản trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính, tư duy chung về thuật toán, các vấn đề cơ bản nhất của ngôn ngữ lập trình C như: cấu trúc chương trình C, các dạng cấu trúc điều khiển,..

12.14. Pháp luật đại cương **Mã môn học: 002018** **TC: 2TC**

Học phần môn Pháp luật đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật. Ngoài ra còn giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh, sinh viên, để góp phần vào việc xây dựng ý thức sống và học tập theo Hiến pháp và pháp luật.

12.15. Quản trị học **Mã môn học: 002244** **TC: 3TC**

Môn học này nhằm cung cấp những khái niệm chung về quản trị, các chức năng chính về quản trị như: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động đã đề ra nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức. Công việc quản trị có thể được nhận thấy ở khắp mọi nơi, mọi lúc và trong mọi tình huống, ngành nghề - từ việc quản lý thời gian, công việc cho chính bản thân mình đến việc tổ chức, điều hành công việc cho một nhóm người và cao hơn là quản lý một tổ chức.

12.16. Kinh tế vi mô **Mã môn học: 001216** **TC: 3TC**

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế học, thị trường, cung – cầu, lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết về sản xuất, cấu trúc thị trường, thị trường các yếu tố sản xuất, sự cân bằng và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế.

12.17. Kinh tế vĩ mô **Mã môn học: 001223** **TC: 2TC**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm những kiến thức về tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, tổng cầu và chính sách tài khoá, tiền tệ và

chính sách tiền tệ, tổng cung và chu kỳ kinh doanh, thất nghiệp và lạm phát, điều tiết kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

12.18. Tài chính-tiền tệ

Mã môn học: 002354

TC: 2TC

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và công cụ cơ bản để phân tích và giải thích các hiện tượng kinh tế có liên quan đến lĩnh vực tài chính - tiền tệ như: đại cương về tài chính, tiền tệ; tổng quan về hệ thống tài chính; những nội dung của tài chính trong doanh nghiệp; một số vấn đề về lãi suất; tổng quan chung về các tổ chức tài chính trung gian (ngân hàng, tổ chức tín dụng), ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia; các vấn đề cơ bản về thị trường tài chính và vấn đề lạm phát tiền tệ.

12.19. Nguyên lý thống kê kinh tế

Mã môn học: 001852

TC: 3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung bao gồm: Các khái niệm và các phương pháp cơ bản phân tích và xử lý các số liệu thống kê kinh tế, các khái niệm về biến ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất thông dụng; các phương pháp lấy mẫu và các phân phối mẫu; ước lượng khoảng tin cậy và kiểm định các giả thuyết thống kê; các phương pháp phân tích phương sai và các phương pháp phân tích tương quan và hồi quy

12.20. Luật kinh tế

Mã môn học: 001506

TC: 2TC

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh hiện nay như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh.

12.21. Phương pháp tối ưu trong kinh tế

Mã môn học: 002078

TC: 3TC

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mô hình hóa bài toán, nắm được các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính và bài toán đối ngẫu, mô hình mạng và lý thuyết ra quyết định. Trang bị cho sinh viên kỹ năng chuyển các tình huống thực tế trong quản lý kinh tế thành dạng mô hình toán học, từ đó giúp đưa ra quyết định tối ưu trong kinh doanh. Ngoài ra, môn học cung cấp cho sinh viên một số phần mềm giải các bài toán quy hoạch tối ưu

12.22. Quản lý tài chính

Mã môn học: 002208

TC: 3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản lý tài chính: giá trị của tiền tệ theo thời gian; cách đo lường rủi ro và lợi nhuận của một chứng khoán, một danh mục đầu tư, áp dụng tính lợi nhuận của một chứng khoán trong danh mục thị trường (MH CAPM); khái niệm trái phiếu, cổ phiếu, phân loại và định giá; chi phí sử dụng vốn bình quân; xác định dòng tiền của dự án và ra quyết định đầu tư.

12.23. Nguyên lý kế toán

Mã môn học: 001838

TC: 3TC

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hạch toán kế toán, các nguyên tắc và yêu cầu của kế toán, đối tượng kế toán (tài sản, nguồn vốn, vận động tài sản), các phương pháp kế toán (như chứng từ, tính giá, đối ứng tài khoản, cân đối và tổng hợp) và hạch toán các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.

12.24. Kế toán doanh nghiệp

Mã môn học: 001023

TC: 3TC

Sau khi học xong học phần Kế toán doanh nghiệp, sinh viên sẽ có được những kiến thức về kế toán tài chính trong doanh nghiệp; có cơ sở đọc hiểu BCTC của doanh nghiệp, kết nối kiến thức với các môn học khác.

12.25. Kế toán quốc tế**Mã môn học: 001054****TC: 3TC**

Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận, một số chuẩn mực kế toán quốc tế IAS, chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế IFRSs cơ bản, từ đó sinh viên có thể áp dụng trong việc giải quyết các tình huống kế toán, lập và trình báo cáo tài chính.

12.26. Kế toán quản trị và chi phí**Mã môn học: 001051****TC: 2TC**

Sinh viên sẽ có được các kỹ năng giải quyết các vấn đề về mặt kỹ thuật của kế toán quản trị đồng thời có khả năng đưa ra các quyết định phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.

12.27. Kiểm toán căn bản**Mã môn học: 001137****TC: 3TC**

Môn học giới thiệu những nội dung, khái niệm cơ bản nhất về kiểm toán trong nền kinh tế thị trường, các loại kiểm toán (kiểm toán tài chính, nghiệp vụ, tuân thủ, kiểm toán độc lập, nội bộ, nhà nước), các khái niệm cơ bản được sử dụng trong kiểm toán (cơ sở dẫn liệu, mục tiêu kiểm toán, trọng yếu, rủi ro, bằng chứng kiểm toán,...), phương pháp kiểm toán, các bước tổ chức một cuộc kiểm toán, tổ chức bộ máy kiểm toán, hiểu báo cáo kiểm toán và loại ý kiến của kiểm toán viên, các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quốc tế.

12.28. Hệ thống thông tin kế toán**Mã môn học: 000953****TC: 2TC**

Trang bị cho sinh viên các khái niệm, vai trò của thông tin kế toán trong doanh nghiệp; cung cấp thông tin về ứng dụng CNTT trong hệ thống kế toán hiện đại. Học phần cũng giới thiệu công việc tổ chức công tác kế toán trên máy thông qua một phần mềm kế toán (hiện tại sử dụng phần mềm kế toán Misa)

12.29. Tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán**Mã môn học: 003216****TC: 3TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán nói chung: nghề kế toán và sự khác biệt của nghề kế toán với công việc ghi chép số liệu, lập và phân tích báo cáo tài chính; phân tích các chỉ số tài chính; tìm hiểu các nguyên tắc trong lập báo cáo tài chính; tìm hiểu kế toán tài chính và kế toán quản trị; khám phá công việc kiểm toán.

12.30. Phân tích hoạt động kinh doanh**Mã môn học: 001967****TC: 3TC**

Cung cấp kiến thức về phân tích hoạt động kinh doanh, trang bị cho người học kiến thức tổng hợp về phân tích ngành, phân tích chiến lược cạnh tranh nhằm xác định các nhân tố chủ yếu tạo ra lợi nhuận và dẫn đến rủi ro kinh doanh. Ngoài ra giúp sinh viên nắm được cách nhìn nhận tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

12.31. Thuế và hệ thống thuế Việt Nam**Mã môn học: 003093****TC: 3TC**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuế và hệ thống thuế Việt Nam. Học phần sẽ đề cập nội dung các loại thuế trong doanh nghiệp như là thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế tài sản, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế, phí và lệ phí khác.

12.32. Phương pháp nghiên cứu khoa học**Mã môn học: 002059****TC: 2TC**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức bao gồm: Khái niệm nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học (Nghiên cứu mô tả, nghiên cứu giải pháp, nghiên cứu dự án, nghiên cứu và triển khai (R&D)), trình tự nghiên cứu khoa học bao gồm: Lựa chọn đề tài

khoa học, hình thành luận văn khoa học (hình thành nghiên cứu khoa học), chứng minh luận điểm khoa học, trình bày luận điểm khoa học.

12.33. Kinh tế lượng

Mã môn học: 003783

TC: 3TC

Cung cấp những nội dung cơ bản của môn Xác suất thống kê, Kinh tế học đại cương, từ đó nghiên cứu bài toán ước lượng, kiểm định các tham số của mô hình hồi quy, xác định được mối quan hệ định lượng giữa các biến số kinh tế, thực hiện bài toán dự báo biến số kinh tế.

12.34. Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế

Mã môn học: 003786

TC: 2TC

Cung cấp các kiến thức cơ bản về sử dụng các công cụ tính toán để giải quyết các bài toán kinh tế, có kỹ năng ứng dụng công cụ tin học trong tài chính và kế toán cũng như kinh tế quản lý.

12.35. Kiểm soát quản lý

Mã môn học: 001130

TC: 2TC

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Kiểm soát quản lý, kiểm soát nội bộ, hệ thống kiểm soát gắn với kết quả tài chính, đo lường và đánh giá các hoạt động kiểm soát, quản trị doanh nghiệp và vấn đề kiểm soát và kiểm soát quản lý trong một số trường hợp đặc biệt.

12.36. Quản lý nhân lực

Mã môn học 002176:

TC: 3TC

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của quản lý nhân lực, hiểu rõ những thách thức với việc quản lý nguồn nhân lực, áp dụng chiến lược quản lý nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, phân tích và thiết kế công việc, tuyển dụng và tuyển chọn lao động, việc thực hiện đào tạo trong quản lý nguồn nhân lực, quản lý thực hiện công việc, các hình thức trả lương và trả công lao động. Đồng thời lên kế hoạch nguồn nhân lực, xây dựng thiết kế hệ thống thông tin nguồn nhân lực, ứng dụng của hệ thống thông tin nguồn nhân lực trong quản lý nguồn nhân lực.

12.37. Tài chính doanh nghiệp

Mã môn học: 002338

TC: 3TC

Cung cấp những nội dung như: tổng quan về TCDN, doanh thu, chi phí lợi nhuận của doanh nghiệp; Nguồn vốn của doanh nghiệp; Vốn kinh doanh của doanh nghiệp; Phân tích báo cáo tài doanh nghiệp

12.38. Thực hành kế toán doanh nghiệp

Mã môn học: 002678

TC: 2TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thực hành quy trình kế toán doanh nghiệp: lập chứng từ, ghi sổ kế toán, lập Báo cáo tài chính

12.39. Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán (*)

Mã môn học: 000384

TC: 2TC

Cung cấp những kiến thức cơ bản về: ý nghĩa đạo đức nghề nghiệp trong ngành kế toán - kiểm toán; học thuyết đạo đức nghề nghiệp, các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong doanh nghiệp, và nghề kế toán – kiểm toán, tính chuyên nghiệp và lợi ích công chúng đối với nghề kế toán – kiểm toán.

12.40. Hành vi tổ chức (*)

Mã môn học: 000837

TC: 2TC

Cung cấp cho học viên những kiến thức bao gồm: Khái niệm và nội dung cơ bản của hành vi tổ chức, cơ sở của hành vi cá nhân (nhận thức, thái độ, tính cách), học tập và động

cơ, ra quyết định cá nhân, xung đột trong tổ chức, nhóm và tổ, xây dựng nhóm và tổ hiệu quả, ra quyết định nhóm và lãnh đạo trong doanh nghiệp.

12.41. Phân tích báo cáo tài chính (*) **Mã môn học: 001958** **TC: 2TC**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng cơ bản về phân tích báo cáo tài chính, các phương pháp phân tích báo cáo tài chính, đánh giá được tiềm lực tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho công tác quản lý của chủ doanh nghiệp.

12.42. Thương mại điện tử (0*) **Mã môn học: môn TC** **TC: 2TC**

Cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu của thương mại điện tử, các phương pháp phân tích, thiết kế hệ thống kinh doanh trực tuyến, kế toán, tiếp thị, thanh toán điện tử, nền kinh tế điện tử, công nghệ web và mạng xã hội, đặc điểm người sử dụng web.

12.43. Tài chính quốc tế (0*) **Mã môn học: môn TC** **TC: 2TC**

Cung cấp các vấn đề cốt yếu về tài chính quốc tế nhằm trang bị những hiểu biết cơ bản nhất về lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của hoạt động tài chính quốc tế, nhận thức được cơ sở và cơ chế của việc khai thác và sử dụng các nguồn tài chính trong quan hệ quốc tế như: Các vấn đề cơ bản về tài chính quốc tế, thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán, xác định tỷ giá hối đoái, các hành vi đầu cơ và việc hình thành PPP, những điều kiện ngang giá lãi suất có bảo hiểm và không có bảo hiểm.

12.44. Phân tích thẩm định dự án (0*) **Mã môn học: môn TC** **TC: 2TC**

Cung cấp những nội dung, khái niệm cơ bản nhất về dự án đầu tư, phân loại dự án đầu tư, các giai đoạn của dự án, nội dung phân tích khả thi dự án. Mặt khác học phần cũng cung cấp các kiến thức giúp xác định dòng tiền dự án và dòng tiền chủ sở hữu; các mô hình khấu hao và các hình thức trả nợ khi vay vốn.

12.45. Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt (0*)

Mã môn học: môn TC **TC: 2TC**

Học phần này trang bị cho sinh viên những nội dung về: Kế toán trong các nghiệp thương mại, kế toán kinh doanh xuất nhập khẩu, kế toán du lịch, kế toán dịch vụ vận tải và kế toán xây lắp, kế toán trong ngành điện.

12.46. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán nâng cao (0*)

Mã môn học: 003215 **TC: 2TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Các quy định cho hệ thống báo cáo tài chính; hạch toán các đối tượng kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế, phân tích và đọc hiểu về báo cáo tài chính đơn lẻ và hợp nhất và lập báo cáo tài chính đơn lẻ và hợp nhất.

12.47. Kiểm toán hoạt động **Mã môn học: 004301** **TC: 3TC**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kiểm toán hoạt động trong một tổ chức (nhà nước hoặc tư nhân) thông qua đánh giá 3 mục tiêu chính: tính kinh tế, tính hiệu quả và tính hiệu lực, trên cơ sở đó định hướng đưa ra các đề xuất cải tiến, hoàn thiện các hoạt động.

12.48. Kiểm toán tài chính 1 **Mã môn học: 001157** **TC: 3TC**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng cơ bản về kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp trong các khoản mục và qui trình nghiệp vụ cụ thể, như: Kiểm toán vốn bằng tiền, hàng tồn kho, tài sản cố định, phải thu khách hàng.

12.49. Kiểm toán tài chính 2

Mã môn học: 001158

TC: 3TC

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng cơ bản về kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp trong các khoản mục và qui trình nghiệp vụ cụ thể, như: Kiểm toán vốn chủ sở hữu và nợ phải trả, doanh thu và chi phí; kiểm soát chất lượng kiểm toán, các dịch vụ khác của công ty kiểm toán và báo cáo kiểm toán.

12.50. Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính

Mã môn học: 004303

TC: 4TC

Học phần cung cấp nội dung thực hành môn học kiểm toán BCTC: lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán

12.51. Chuyên đề (kế toán, kiểm toán) (*)

Mã môn học: môn TC

TC: 2TC

Học phần này trang bị cho sinh viên một số nội dung chuyên đề cụ thể về kế toán, kiểm toán (theo tính cập nhật), như: Chuyên đề BCTC hợp nhất, hay quản trị rủi ro hay quản trị công ty,...

12.52. Kiểm toán nội bộ (*)

Mã môn học: 001150

TC: 2TC

Trang bị các kiến thức cơ bản về kiểm toán nội bộ, các hoạt động hành chính của kiểm toán nội bộ, các lĩnh vực hoạt động của kiểm toán nội bộ.

12.53. Kế toán ngân hàng (*)

Mã môn học: 001038

TC: 2TC

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổ chức kế toán trong các ngân hàng thương mại, kế toán nghiệp vụ huy động vốn trong ngân hàng, kế toán nghiệp vụ tín dụng, kế toán nghiệp vụ thanh toán vốn giữa các ngân hàng, nghiệp vụ thanh toán giữa các khách hàng thông qua ngân hàng.

12.54. Kiểm soát nội bộ (0*)

Mã môn học: môn TC

TC: 2TC

Cung cấp các kiến thức về khung khái niệm, các nhân tố KSNB, kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị trong đơn vị

12.55. Quản lý chiến lược (0*)

Mã môn học: môn TC

TC: 2TC

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến lược, quản lý chiến lược, cách thức phân tích môi trường bên trong, bên ngoài, tạo dựng lợi thế cạnh tranh thông qua các chiến lược chức năng, phát triển công ty, thiết kế cấu trúc tổ chức và hệ thống kiểm soát trong tổ chức.

12.56. Quản trị rủi ro (*0)

Mã môn học: 002268

TC: 2TC

Cung cấp các kiến thức, kỹ năng và phương pháp đánh giá, đo lường và kiểm soát rủi ro trong công tác quản trị đồng thời có những ứng xử linh hoạt đối với các loại rủi ro nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp nhất để bảo vệ giá trị của doanh nghiệp.

12.57. Thực tập tốt nghiệp

Mã môn học: 003029

TC: 4TC

Thời gian thực tập 8 tuần, sinh viên lựa chọn đơn vị thực tập, đề tài thực tập và nhận giáo viên hướng dẫn. Tìm hiểu thực tế về kế toán, kiểm soát tại doanh nghiệp, các tổ chức,...

12.58. Khoá luận tốt nghiệp

Mã môn học: 003798

TC: 10TC

Sinh viên lựa chọn đề tài và triển khai nội dung đề tài trên cơ sở số liệu thực tập tốt nghiệp và lý thuyết phù hợp

13. Bảng kiểm đánh giá năng lực người học

- Bảng kiểm năng lực cần được đưa vào sử dụng để thực hiện đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp.

- Bảng kiểm năng lực có thể được áp dụng tại các thời điểm khác nhau để đánh giá trong suốt quá trình theo học chương trình.

- Sinh viên năm thứ 3 trở đi có thể sử dụng Bảng kiểm để tự đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng của mình, từ đó xây dựng kế hoạch cho giai đoạn còn lại để tại thời điểm tốt nghiệp có năng lực như kỳ vọng.

- Khoa có thể sử dụng kết quả đánh giá từ bảng kiểm năng lực để rà soát và điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với CDR của chương trình và môn học đã tuyên bố và yêu cầu của người học và xã hội.

T T	Mã môn học	Tên môn học	T C	LT	BT / T H	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	K N 7	K N 8	K N 9	TC 1	T C 2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																										
1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45		2	2																			
2	003925	Kinh tế chính trị Mác Lê nin	2	30		2	3																			
3	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2	2																			
4	003928	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2	30		2	1																			
5	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		2	2																			
6	003137	Tiếng Anh 1	4	60		2	2																			
7	003144	Tiếng Anh 2	3	45		2	2																			
8	000801	Giáo dục thể chất	4	60																						
9	000785 , 000788 , 000791 , 003788	Giáo dục quốc phòng	11	165																						
10	003360	Toán cao cấp 1	2	30		1																				
11	003366	Toán cao cấp2	2	30		2																				
12	003657	Xác suất thống kê	2	30																						

T T	Mã môn học	Tên môn học	T C	LT	BT / T H	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	K N 7	K N 8	K N 9	TC 1	T C 2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
						2																				
13	001893	Nhập môn tin học	3	45				2									2									
14	002018	Pháp luật đại cương	2	30			2																		2	
15	002244	Quản trị học	3	45			3		3					3	2								3	3		
KHỎI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																										
CƠ SỞ NGÀNH																										
1	001216	Kinh tế vi mô	3	45		3	3		3	3				2												
2	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30						1				1									2		2	
3	002354	Tài chính-tiền tệ	2	30		2	2				3		3						2	2						
4	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45				4	4					3				3		3			3			
5	001506	Luật kinh tế	2	30					2															4	2	
6	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45		3											1						1	1		
7	002208	Quản lý tài chính	3	45						1				2		2										3
8	001838	Nguyên lý kế toán	3	45							2	3			4										1	
NGÀNH																										
NGÀNH BẮT BUỘC																										
1	001023	Kế toán doanh nghiệp	3	45						3					3										4	
2	001054	Kế toán quốc tế	3	45			2						2	1			2									3
3	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30		2	2			2						4										

T T	Mã môn học	Tên môn học	T C	LT	BT / T H	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	K N 7	K N 8	K N 9	TC 1	T C 2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
4	001137	Kiểm toán căn bản	3	45					1							2									3	
5	000953	Hệ thống thông tin kế toán	2	30				2		2		3										3	4			
6	003216	Tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán	3	45															1				4			3
7	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45				1	2	2	3					2				3						
8	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	3	45						2				3		4		2					2			
9	002059	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30			3											2								3
10	003783	Kinh tế lượng	3	45		2																				
11	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế	2	30		2		3										4					2			
12	001130	Kiểm soát quản lý	2	30		1			2	2				2		3							3			
13	002176	Quản lý nhân lực	3	45			3																			
14	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45						1	3	2								3	3	3				
15	002678	Thực hành kế toán doanh nghiệp	2		30			3				2					3			4			5			
NGÀNH TỰ CHỌN																										
1	000384	Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán (*)	2	30			1			2			3			3									1	3
2	000837	Hành vi tổ chức (*)	2	30			3								3		2						3		3	

T T	Mã môn học	Tên môn học	T C	LT	BT / T H	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	K N 7	K N 8	K N 9	TC 1	T C 2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
3	001958	Phân tích báo cáo tài chính (*)	2	30																						
4	003105	Thương mại điện tử (0*)	2	30		2	2	3														2			2	2
5	002347	Tài chính quốc tế (0*)	2	30		3				3		3	3													
6	001981	Phân tích thẩm định dự án (0*)	2	30																						
7	001006	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt (0*)	2	30					1					2												2
8	003215	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán nâng cao (0*)	2	30														1					2			
CHUYÊN NGÀNH																										
CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC																										
1	004301	Kiểm toán hoạt động	3	45					1	1	1			2		3									2	
2	001157	Kiểm toán tài chính 1	3	45							2		3								3	2			1	
3	001158	Kiểm toán tài chính 2	3	45							2		3								3	2			1	
4	004303	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	4		60			2						2	2						2	2	2			
CHUYÊN NGÀNH																										
CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN																										
1	000181	Chuyên đề (kế toán, kiểm toán) (*)	2	30									3					3							3	
2	001150	Kiểm toán nội bộ (*)	2	30					2	1		1	2			2					2					2

T T	Mã môn học	Tên môn học	T C	LT	BT / T H	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	K N 7	K N 8	K N 9	TC 1	T C 2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
3	001038	Kế toán ngân hàng (*)	2	30							1					2				2						2
4	001129	Kiểm soát nội bộ (0*)	2	30					1	3		3									3					1
5	002016	Quản lý chiến lược (0*)	2	30			3		3								3			3					3	3
6	002268	Quản trị rủi ro (0*)	2	18	12	2				2			3	3							4	2		4		
7	003029	Thực tập tốt nghiệp	4	60										1				2				4				4
8	003798	Khoá luận tốt nghiệp	10	150										1				2				4	4			4

14. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

14.1. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
1	Nguyễn Thị Thủy	Thạc sỹ	TC	ĐHDL	Quản lý tài chính
2	Nguyễn Thị Vân Anh	Thạc sỹ	QT	ĐHDL	Quản trị học
3	Đinh Thị Minh Tâm	Thạc sỹ	TC	ĐHDL	Phân tích hoạt động kinh doanh; Tài chính doanh nghiệp
4	Nguyễn Tố Tâm	Tiến sỹ	KT	ĐHDL	Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán; Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính
5	Lê Thị Mai Hương	Thạc sỹ	TC	ĐHDL	Kế toán ngân hàng
6	Trần Thu Huyền	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Thuế và hệ thống thuế VN
7	Phạm Việt Bình	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Hệ thống thông tin kế toán
8	Ngô Thị Thúy Ngân	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Kế toán quốc tế, Kiểm toán căn bản
9	Nguyễn Hồng Nhung	Thạc sỹ	TC	ĐHDL	Tài chính tiền tệ
10	Nguyễn Đức Quang	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt; Kiểm toán tài chính 1
11	Nguyễn Thị Kim Chi	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Kế toán quản trị và chi phí; Chuyên đề (kế toán, kiểm toán)
12	Đinh Thị Lan	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Nguyên lý kế toán; Thực hành kế toán doanh nghiệp
13	Lê Quỳnh Anh	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Tiếng anh chuyên ngành kiểm toán; Tiếng anh chuyên ngành kế toán nâng cao
14	Nguyễn Thị Kiều Trang	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Kiểm toán nội bộ; Kiểm toán hoạt động
15	Dương Văn Hùng	Thạc sỹ	QT	ĐHDL	Phương pháp tối ưu trong kinh tế; Thương mại điện tử
16	Nguyễn Thị Thanh Dân	Tiến sỹ	QT	ĐHDL	Quản lý nhân lực
17	Ngô Trọng Tuấn	Thạc sỹ	QT	ĐHDL	Quản trị học
18	Nguyễn Thị Kim Thanh	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Thương mại điện tử
19	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Thạc sỹ	QT	ĐHDL	Hành vi tổ chức
20	Nguyễn Ngọc Trung	Thạc sỹ	QT	ĐHDL	Quản lý nhân lực
21	Nguyễn Quỳnh Anh	Thạc sỹ	TC	ĐHDL	Tài chính doanh nghiệp
22	Lê Anh Tuấn	PGS.TS	TC	ĐHDL	Phương pháp nghiên cứu khoa học
23	Nguyễn Trung Hạnh	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Quản trị rủi ro
24	Nguyễn Ngọc Thía	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Phân tích thẩm định dự án
25	Trương Thị Thu	Thạc sỹ	QT	ĐHDL	Kinh tế vĩ mô

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
	Hường				
26	Đàm Văn Khanh	Thạc sỹ	QT	ĐHDL	Quản trị học
27	Đặng Quốc Hương	Thạc sỹ	TC	ĐHDL	Kế toán ngân hàng
28	Phan Duy Hùng	Thạc sỹ	QT	ĐHDL	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế
29	Nguyễn Thu Hương	Thạc sỹ	QT	ĐHDL	Nguyên lý thống kê kinh tế
30	Nguyễn Ngọc Hiền	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Kế toán doanh nghiệp
31	Cao Thị Phương Thủy	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Quản lý nhân lực
32	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	
33	Trần Thanh Tuấn	Tiến sỹ	TC	ĐHDL	Phân tích BCTC
34	Vũ Hồng Tuấn	Thạc sỹ	QT	ĐHDL	Quản lý chiến lược
35	Phùng Thị Đoan	Tiến sỹ	KT	ĐHDL	Kiểm soát nội bộ
36	Vũ Quốc Bình	Tiến sỹ	KT	ĐHDL	Quản lý chiến lược
37	Nguyễn Thế Hùng	Tiến sỹ	TC	ĐHDL	Tài chính quốc tế
38	Nguyễn Bạch Nguyệt	PGS.TS	KT	ĐHDL	Kiểm soát nội bộ
39	Nguyễn Văn Nam	PGS.TS	KT	ĐHDL	Kiểm soát quản lý
40	Trần Xuân Giao	Thạc sỹ	KT	ĐHDL	Hệ thống thông tin kế toán
41	Bùi Nhất Giang	Thạc sỹ	QT	ĐHDL	Kế toán quản trị và chi phí
42	Lê Thị Hòa	PGS.TS	KT	ĐHDL	Kiểm toán tài chính 2
43	Vương Thị Hồng	Thạc sỹ	Thư ký Khoa	ĐHDL	

14.2. Cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ cho chương trình đào tạo

14.2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học	106	14.629			
2	Phòng máy tính		875	Máy tính	218	
3	Phòng học ngoại ngữ	0	0			
4	Hội trường	2	292			
5	Thư viện	1	1.176	Sách	4.448	

14.2.2. Danh mục giáo trình dùng trong chương trình đào tạo

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2009	Triết học Mác Lê nin

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
2	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2009	Kinh tế chính trị Mác Lê
3	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2017	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	New English File – Pre-Intermediate – Student’s Book & Workbook	Clive Oxenden, Christina Latham Koeing & Paul Seligson	Oxford University Press	2009	Tiếng Anh 1
6	New English File – Pre-Intermediate – Student’s Book & Workbook	Clive Oxenden, Christina Latham Koeing & Paul Seligson	Oxford University Press	2009	Tiếng Anh 2
7	Toán cao cấp tập 1	Nguyễn Đình Trí	Nhà xuất bản Giáo dục		Toán cao cấp 1
8	Toán cao cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	Nhà xuất bản Giáo dục		Toán cao cấp 2
9	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Cao Văn	NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, 2006	2006	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
10	Bài tập lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Cao Văn	NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, 2007	2007	
11	Giáo trình nhập môn tin học	Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Hữu Quỳnh, Nguyễn Thị Thanh Tân	Trường Đại học Điện lực		Nhập môn tin học
12	Pháp luật đại cương		Nhà xuất bản Chính trị quốc gia	2008	Pháp luật đại cương
13	Giáo trình Luật Kinh tế	TS. Lê Minh Toàn	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia	2016	Luật kinh tế
14	Bài giảng Kinh tế lượng	Khoa Quản lý Năng lượng			Kinh tế lượng
15	Quản trị học	Nguyễn Hải Sản	Nhà xuất bản Thống kê	2007	Quản trị học
16	Giáo trình Kinh tế học	PGS.TS. Vũ Kim Dũng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012	Kinh tế vi mô
17	Giáo trình Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Ái Đoàn	Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội	2010	Kinh tế vĩ mô
18	Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ	PGS. TS Nguyễn Hữu Tài	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân	2012	Tài chính- tiền tệ
19	Giáo trình Lý thuyết thống kê	PGS.TS. Trần Thị Kim Thu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2017	Nguyên lý thống kê kinh

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
					tế
20	Phương pháp định lượng trong quản lý kinh tế	PSG.TS Lê Anh Tuấn, Ths Nguyễn Ngọc Thía, TS Dương Trung Kiên	NXB giáo dục Việt nam	2012	Phương pháp tối ưu trong kinh tế
21	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	TS. Bùi Văn Vân TS. Vũ Văn Ninh	Nhà xuất bản Tài chính	2013	Quản lý tài chính
22	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Tổ Tâm (chủ biên)	Nhà xuất bản giáo dục	2018	Nguyên lý kế toán
23	Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán	Nguyễn Tổ Tâm (chủ biên)	Nhà xuất bản giáo dục	2018	
24	Giáo trình kế toán tài chính 1,2,3	Trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	NXB Kinh tế TP.HCM	2015	Kế toán doanh nghiệp
25	ACCA Approved Interactive Text Foundations in Accountancy/ ACCA Financial Accounting (FFA/FA)	ACCA	London. Content reviewed by ACCA's examining team 2018	cập nhật hàng năm	Kế toán quốc tế
26	Giáo trình Kế toán quản trị	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2014	Kế toán quản trị và chi phí
27	Kiểm toán (toàn tập)	Khoa KTKT, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	NXB Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	2014	Kiểm toán căn bản
28	Hệ thống thông tin kế toán 1	Huỳnh Văn Hiếu	Nhà XB KTHCM	2015	Hệ thống thông tin kế toán
29	Professional English In Use	Ian MacKenzie	Cambridge University Press	2008	Tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán
30	Giáo trình phân tích kinh doanh	PGS.TS Nguyễn Văn Công	Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân	2009	Phân tích hoạt động kinh doanh
31	Giáo trình Thuế	PGS.TS Nguyễn Thị Liên, PGS. TS Nguyễn Văn Hiệu	Nhà xuất bản tài chính	2014	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam
32	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Khoa học kỹ thuật	2005	Phương pháp nghiên cứu khoa học
33	Tin học ứng dụng	Hàn Viết Thuận	KTQD	2012	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế
34	Giáo trình Kiểm soát	PGS.TS. Nguyễn	NXB Đại học	2009	Kiểm soát

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	quản lý	Thị Phương Hoa	Kinh tế quốc dân		quản lý
35	Quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân	2012	Quản lý nhân lực
36	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	TS. Bùi Văn Vân	Nhà xuất bản Tài chính	2013	Tài chính doanh nghiệp
37	Tổ chức công tác kế toán	Nguyễn Tố Tâm, Nguyễn Thị Kim Chi	NXB Giáo dục	2019	Thực hành kế toán doanh nghiệp
38	Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty	Nguyễn Mạnh Quân	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân	2012	Đạo đức nghề nghiệp kế toán - kiểm toán (*)
39	Giáo trình hành vi tổ chức	Phạm Thúy Hương	Trường Đại học kinh tế quốc dân	2018	Hành vi tổ chức (*)
40	Giáo trình phân tích báo cáo tài chính	PGS. TS Nguyễn Năng Phúc	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2011	Phân tích báo cáo tài chính (*)
41	Giáo trình thương mại điện tử căn bản	Nguyễn Văn Hồng	NXB Bách Khoa	2013	Thương mại điện tử (0*)
42	Giáo trình Tài chính quốc tế	GS. TS Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống Kê	2012	Tài chính quốc tế (0*)
43	Phân tích hiệu quả dự án đầu tư	Phạm Thị Thu Hà	NXB Chính trị quốc gia	2013	Phân tích thẩm định dự án (0*)
44	Kế toán dịch vụ	Nguyễn Phú Giang	2008	Cập nhật hàng năm	Kế toán các ngành kinh doanh đặc biệt (0*)
45	Professional English In Use	Ian MacKenzie	Cambridge University Press	2008	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán nâng cao (0*)
46	Giáo trình Kiểm toán hoạt động	GS.TS Nguyễn Quang Quynh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2009	Kiểm toán hoạt động
47	Kiểm toán	Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh,	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2014	Kiểm toán tài chính 1
48	ACCA Approved Study Text Audit and Assurance (AA), Valid for both paper-and computer	ACCA	London. Content reviewed by ACCA's examining team 2018	2018	Kiểm toán tài chính 1
49	Kiểm toán	Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh,	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2014	Kiểm toán tài chính 2
50	ACCA Approved Study Text Audit and Assurance (AA), Valid for both paper-and	ACCA	London. Content reviewed by ACCA's examining team	2018	Kiểm toán tài chính 2

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	computer		2018		
51	Chương trình kiểm toán mẫu kiểm toán báo cáo tài chính Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Hồng Đức	2017	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính
52	Giáo trình Kiểm toán	Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	NXB Kinh tế TP.HCM	2014	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính
53	Kế toán hợp nhất kinh doanh và hợp nhất BCTC	PGS.TS Nguyễn Phú Giang	NXB Tài chính	2009	Chuyên đề (kế toán, kiểm toán) (*)
54	Kiểm toán nội bộ	Trịnh văn Vinh	NXB Tài chính	2012	Kiểm toán nội bộ (*)
55	Kế toán ngân hàng	Nguyễn Thị Loan	Phương Đông	2012	Kế toán ngân hàng (*)
56	Kiểm soát nội bộ	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	NXB Phương Đông	2012	Kiểm soát nội bộ (0*)
57	Quản trị chiến lược	PGS.TS.Ngô Kim Thanh	NXB KTQD	2012	Quản lý chiến lược (0*)
58	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Lao động-Xã hội	2009	Quản trị rủi ro (0*)

DANH MỤC SÁCH CHUYÊN KHẢO, TẠP CHÍ CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2006	2006	Triết học Mác Lê nin
2	V.I Lênin, Bút ký triết học, toàn tập	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, tập 29, 2005	2005	
3	V.I Lênin, Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, toàn tập	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, tập 18, 2005	2005	
4	V.I Lênin, Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác, toàn tập	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, tập 23, 2005	2005	
5	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2006	2006	Kinh tế chính trị
6	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học		Chính trị quốc gia, 2006	2006	
7	Chương trình môn học tư tưởng Hồ Chí Minh	Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008 của Bộ GD&ĐT			Tư tưởng Hồ Chí Minh
8	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh do Hội đồng Lý luận Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ đạo biên soạn				
9	Các tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh của Ban tuyên giáo TW				Tư tưởng Hồ Chí Minh
10	Hồ Chí Minh tuyển tập. đĩa CDROM Hồ Chí Minh toàn tập				Tư tưởng Hồ Chí Minh
11	Các Nghị quyết, văn kiện của Đảng				Tư tưởng Hồ Chí Minh
12	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
13	Các Văn kiện, nghị quyết				

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	của Đảng Cộng sản Việt Nam				
14	Grammar in Use 4th. Cambridge	Murphy, R.	Cambridge University Press, 2012	2012	Tiếng Anh 1
15	English Vocabulary in Use – Pre-Intermediate	Stuart Redman	Cambridge University Press, 1999	1999	Tiếng Anh 1
16	English Pronunciation in Use- Elementary	Jonathan Marks	Cambridge University Press, 2007	2007	Tiếng Anh 1
17	Listening Extra, Reading Extra, Speaking Extra & Writing Extra. (6th)	Cravens, M., Driscoll, L., Gammidge, M. & Palmer, G	Cambridge University Press , 2008	2008	
18	Tactics for listening – Developing- 2nd Edition.	Jack, C. Richards	Oxford University Press, 2005	2005	Tiếng Anh 1
19	First steps in Academic Writing	Ann Hogue			Tiếng Anh 1
20	Effective Reading 2, Pre-Intermediate	Scott Miles	Macmillan, 2009	2009	Tiếng Anh 1
21	Grammar in Use 4th. Cambridge	Murphy, R.	Cambridge University Press, 2012	2012	Tiếng Anh 2
22	English Vocabulary in Use – Pre-Intermediate	Stuart Redman	Cambridge University Press, 1999	1999	
23	English Pronunciation in Use- Elementary	Jonathan Marks	Cambridge University Press, 2007	2007	
24	Listening Extra, Reading Extra, Speaking Extra & Writing Extra. (6th)	Cravens, M., Driscoll, L., Gammidge, M. & Palmer, G	Cambridge University Press , 2008	2008	
25	Tactics for listening – Developing- 2nd Edition.	Jack, C. Richards	Oxford University Press, 2005	2005	
26	First steps in Academic Writing	Ann Hogue			
27	Effective Reading 2, Pre-Intermediate	Scott Miles	Macmillan, 2009	2009	
28	Đại số tuyến tính qua các ví	Lê Tuấn Hoa	Viện toán học		Toán cao cấp

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	dự và bài tập				1
29	Linear algebra with applications	Steven J. Leon	Prentice Hall 1998	1998	
30	Bài tập Toán cao cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	Nhà xuất bản Giáo dục		Toán cao cấp2
31	A Course of Mathematical Analysis	S. M. Nikolsky	Mir Publishers, 1997	1997	
32	Thống kê toán học	Đào Hữu Hồ	NXB Đại học và THCN, 1984	1984	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
33	Applied Statistics for business and economics	Alen Webster	Boston. 1992	1992	
34	Probability and Statistics	De groot M	New York. 1989	1989	
35	Bài tập nhập môn tin học	Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Hữu Quỳnh, Nguyễn Thị Thanh Tân, Nguyễn Thị Ngọc Tú	Trường Đại học Điện lực		Nhập môn tin học
36	Giáo trình tin học văn phòng	Thạc Bình Cường, Lương Mạnh Bá, Bùi Thị Hòa, Đinh Hùng	Nhà xuất bản giáo dục		
37	Giáo trình Luật Hình Chính, Dân sự, Hình sự, Lao động	Đại học Luật Hà nội	Nhà xuất bản Công an Nhân dân		Pháp luật đại cương
38	Hiến Pháp 1992, 2013, Bộ luật Hình sự 2000,2015, Bộ luật dân sự 2005,2015, Luật lao động 2013, luật đất đai				
39	Giáo trình Luật Kinh tế	TS. Lê Minh Toàn	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia 2015		Luật kinh tế
40	Bộ luật Dân sự 2015 Luật Thương mại 2005 Luật trọng tài thương mại 2015 Luật doanh nghiệp năm 2015			2015	
41	Bài giảng Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Đông	Đại học Kinh tế quốc dân - 2010	2010	Kinh tế lượng

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
42	Kinh tế lượng	PGS. TS Nguyễn Cao Văn, Ths. Bùi Dương Hải	Trường Đại học Kinh tế quốc dân - 2011	2011	
43	Giáo trình Kinh tế lượng + Bài tập Kinh tế lượng với sự hỗ trợ của phần mềm Eviews, Stata	Hoàng Ngọc Nhậm	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh - 2010	2010	
44	Hướng dẫn sử dụng Eviews trong phân tích dữ liệu và hồi quy	Phùng Thanh Bình			
45	Bài tập kinh tế vi mô	PGS.TS.Vũ Kim Dũng	NXB Văn hóa thông tin, 2014	2014	Kinh tế vi mô
46	Bài giảng kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Ngọc	NXBĐHKQTĐ	2013	Kinh tế vĩ mô
47	Bài tập thống kê	Trương Thị Thu Hường,	Đại học Điện lực	2017	Nguyên lý thống kê kinh tế
48	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	Phạm Ngọc Kiểm	NXB Giáo Dục Việt Nam	2009	
49	Nguyên lý kế toán (tái bản lần thứ nhất)	Nguyễn Tổ Tâm (chủ biên), Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2013	Nguyên lý kế toán
50	Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp	GS.TS Đặng Thị Loan	NXB ĐH Kinh tế quốc dân,	2013	Kế toán doanh nghiệp
51	Kế toán quốc tế	Nguyễn Phú Giang	NXB Tài chính	2009	Kế toán quốc tế
52	Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp	PGS.TS Đoàn Xuân Tiên	Nhà xuất bản Tài Chính	2007	Kế toán quản trị và chi phí
53	Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính	PGS.TS Nguyễn Năng Phúc	KTQĐ	2008	Phân tích hoạt động kinh doanh
54	Giáo trình Tin học ứng dụng	PGS.TS Hàn Viết Thuận	NXB ĐHKT Quốc dân	2012	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế
55	Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong quản lý tài chính tại Tổng công ty	Nguyễn Tổ Tâm	ĐH Kinh tế quốc dân	2005	Kiểm soát quản lý

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	đường sắt Việt Nam				
56	Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Đình Kiệm	NXB Tài chính	2008	Tài chính doanh nghiệp
57	Giáo trình thương mại điện tử căn bản	TS. Trần Văn Hoè	NXB Kinh tế quốc dân, 2015	2005	Thương mại điện tử (0*)
58	Lập dự án đầu tư	PGS.TS Nguyễn Bạch Nguyệt	NXB ĐHKT Quốc dân,	2008	Phân tích thẩm định dự án (0*)
59	ACCA Approved Study Text Audit and Assurance (AA), Valid for both paper-and computer	ACCA	London. Content reviewed by ACCA's examining team	2018	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán nâng cao (0*)
60	ACCA Approved Study Text Audit and Assurance (AA), Valid for both paper-and computer	ACCA	London. Content reviewed by ACCA's examining team	2018	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán nâng cao (0*)
61	ACCA Approved Study Text Audit and Assurance (AA), Valid for both paper-and computer	ACCA	London. Content reviewed by ACCA's examining team	2018	Kiểm toán hoạt động
62	37 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Vũ Hoa Tươi	NXB Tài chính	2013	Kiểm toán hoạt động
63	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế	Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam	NXB Tài chính	2011	Kiểm toán tài chính 1
64	37 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Vũ Hoa Tươi	NXB Tài chính	2013	
65	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế	Bộ Tài chính	NXB Tài chính	2011	Kiểm toán tài chính 2
66	37 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Vũ Hoa Tươi	NXB Tài chính	2013	
67	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế	Vũ Hoa Tươi	NXB Tài chính	2011	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính
68	37 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Vũ Hoa Tươi	NXB Tài chính	2013	
69	Kiểm toán nội bộ hiện đại	Victor Z.Brink and Herbert Witt	NXB Tài chính	2000	Kiểm toán nội bộ (*)
70	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế	Vũ Hoa Tươi	NXB Tài chính	2013	Kiểm toán nội bộ (*)
71	37 chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Vũ Hoa Tươi	NXB Tài chính	2013	Kiểm toán nội bộ (*)

15. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kiểm toán được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường Đại học Điện lực và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình đảm bảo sự liên thông ngang, liên thông dọc phù hợp với quy định hiện hành.

Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin Đại học Điện lực để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <http://www.epu.edu.vn>.

Phòng Đào tạo Trường Đại học Điện lực tổ chức, triển khai thực hiện chương trình giảng dạy theo quy chế đào tạo hiện hành. Trong quá trình thực hiện, các khoa quản lý chương trình đào tạo đề xuất thay đổi các học phần tự chọn, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với thực tiễn.

Ít nhất 2 năm một lần, các khoa quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo sao cho phù hợp với những thay đổi trong quy định của nhà nước, của nhà trường về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn... Việc rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành.

HIỆU TRƯỞNG

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CTĐT

TS. Trương Huy Hoàng

TS. Nguyễn Tố Tâm